TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày: 19-3-2019
V/v: "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-KDTM, ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc *"Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; địa chỉ: Số 130 P, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Minh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật; bà Phạm Thị Thanh V – Phó giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền (theo quyết định ủy quyền số 1020/QĐ-DAB-PC, ngày 11-6-2016).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn X; địa chỉ: Số 35 H, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đại V1 – Giám đốc Công ty.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Lê Việt Đ1**, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 18/165H T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông **Bùi Đình D**;

3.3. Bà **Lê Thị P**.

Cùng địa chỉ: Đội 4, Thôn 1, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà V có mặt; ông V1, ông Đ1, bà P và ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-9-2018, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ trình bày:

Ngày 21-12-2016 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và Công ty Trách nhiệm hữu hạn X có ký kết hợp đồng vay vốn số H.0008/116, theo đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn X vay số tiền 1.000.000.000đồng, lãi suất cho vay là 9,5%/năm, lãi suất thay đổi theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; thời hạn vay là 12 tháng; mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động – thanh toán tiền thuê xe, mua dầu nhờn, vật liệu xây dựng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Lê Việt Đ1 đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 3193, tờ bản đồ số 03, tại xã Nghĩa Dõng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 085922, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Lê Việt Đ1 ngày 01-9-2015, theo hợp đồng thế chấp số H.0184/BLTC ngày 21-12-2016. Ngoài ra, ngày 21-12-2016 ông Lê Việt Đ1 ký bản cam kết đồng ý thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 3193, tờ bản đồ số 03, tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã giải ngân cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn X nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng vay vốn ngày 21-12-2016. Tuy nhiên, do Công ty Trách nhiệm hữu hạn X vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay vốn đã ký kết nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 19-3-2019 là 875.327.604đồng, trong đó: Nợ gốc là 725.000.000đồng; nợ lãi quá hạn là 150.327.604đồng.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn X không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 3193, tờ bản đồ số 03, tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 085922 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Lê Việt Đ1 ngày 01-9-2015, theo hợp đồng thế chấp số H.0184/BLTC ngày 21-12-2016 và bản cam kết ngày 21-12-2016 của ông Lê Việt Đ1 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp nếu không có thỏa thuận khác.

Tại bản tự khai ngày 14-11-2018 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 26-12-2018, ông Trần Đại V1 là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn X trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn X có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và hiện nay còn nợ số tiền gốc, lãi như đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ trình bày. Tuy nhiên, do trong quá trình kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn X có thời gian để thu xếp nguồn tiền trả nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14-11-2018 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 26-12-2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P trình bày:

Bà là cô ruột của ông Lê Việt Đ1. Nguồn gốc thửa đất 3193, tờ bản đồ số 03, tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và căn nhà gắn liền với thửa đất nêu trên là của cha mẹ bà để lại. Sau khi cha ông Đ1 chết thì gia đình bà đã thống nhất cho ông Đ1 thửa đất 3193, tờ bản đồ số 03, tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và căn nhà gắn liền với thửa đất nêu trên nên ông Đ1 có quyền thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ. Tuy nhiên, hiện nay bà và chồng bà là ông Bùi Đình D đang sống trên nhà đất mà ông Đ1 đã thế chấp cho Ngân hàng, đồng thời nhà và đất này đang là nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ của bà nên yêu cầu Tòa án xem xét để bảo vệ quyền và lợi ích cho vợ chồng bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Việt Đ1 và ông Bùi Đình D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án và không tham gia phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đến ngày 28-01-2019 Tòa án mới có quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền là 875.327.604đồng, trong đó: Nợ gốc là 725.000.000đồng; nợ lãi quá hạn là 150.327.604đồng. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn do chậm thi hành án theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết tiền án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 24-9-2018 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ) có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (sau đây gọi tắt là Công ty X) thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng vay vốn số H.0008/116 ngày 21-12-2016. Tại thời điểm Ngân hàng Đ khởi kiện thì Công ty X có trụ sở tại Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng" theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nghĩa vụ thanh toán:

[2.1] Căn cứ hợp đồng vay vốn số H.0008/116 ngày 21-12-2016 đã được ký kết giữa Ngân hàng Đ – Chi nhánh Quảng Ngãi với Công ty X, ý kiến trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định: Ngày 21-12-2016 Công ty Trách nhiệm hữu hạn X có vay của Ngân hàng Đ – Chi nhánh Quảng Ngãi số tiền 1.000.000.000đồng.

[2.2] Công ty X đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng vay vốn nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay Công ty X chỉ mới trả được cho Ngân hàng Đ 275.000.000đồng tiền gốc và 96.315.886đồng tiền lãi trong hạn. Tính đến hết ngày 19-3-2019, Công ty X còn nợ Ngân hàng Đ tổng số tiền là 875.327.604đồng, trong đó: Nợ gốc là 725.000.000đồng, nợ lãi quá hạn là 150.327.604đồng. Do đó, Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu Công ty X phải trả cho Ngân hàng Đ số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về xử lý tài sản thế chấp:

[3.1] Để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng vay vốn số H.0008/116 ngày 21-12-2016 của Công ty X, ông Lê Việt Đ1 đã thế chấp cho Ngân hàng Đ quyền sử dụng thửa đất số 3193, tờ bản đồ số 03, tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số H0184/BLTC ngày 21-12-2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị P (là cô ruột của ông Lê Việt Đ1) xác định gia đình bà đã thống nhất cho ông Lê Việt Đ1 thửa đất số 3193, tờ bản đồ số

03, tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và căn nhà gắn liền với thửa đất nêu trên nên ông Đ1 có quyền thế chấp cho Ngân hàng Đ.

[3.2] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng Đ với ông Lê Việt Đ1 đã được Phòng công chứng số 1 Quảng Ngãi chứng nhận, đồng thời, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh thành phố Quảng Ngãi ngày 21-12-2016 nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên có hiệu lực pháp luật tại thời điểm đăng ký.

[3.4] Ngoài ra, khi ông Lê Việt Đ1 thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng Đ thì trên diện tích đất thế chấp cho Ngân hàng Đ có căn nhà cấp 4 của ông Đ1 nhưng chưa đăng ký quyền sở hữu nên ngày 21-12-2016 ông Đ1 ký bản cam kết đồng ý kê biên, phát mãi tài sản gắn liền với thửa đất thế chấp để Ngân hàng Đ thu hồi nợ trong trường hợp Công ty X không thanh toán được nợ cho Ngân hàng Đ. Vì vậy, có căn cứ xác định tài sản gắn liền với thửa đất số 3193, tờ bản đồ số 03, tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cũng là tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty X theo hợp đồng vay vốn số H.0008/116 ngày 21-12-2016.

[3.5] Tại khoản 5.1 Điều 5 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số H0184/BLTC ngày 21-12-2016 quy định về các trường hợp được xử lý tài sản thế chấp như sau: *"a. Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên vay hoặc/và bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ; ….* Do đó, trường hợp Công ty X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số H0184/BLTC ngày 21-12-2016 giữa Ngân hàng Đ với ông Lê Việt Đ1 và bản cam kết ngày 21-12-2016 của ông Lê Việt Đ1 để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Đ trình bày nguyên đơn đồng ý chịu 2.000.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Việc nguyên đơn đồng ý chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là tự nguyện, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.000.000đồng và đã chi phí xong.

[5] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên Công ty X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền mà Công ty X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng là: 36.000.000đồng + (75.327.604đồng x 3%) = 38.259.828đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng Đ không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí là 19.121.398đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000081 ngày 12-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 147, 157, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351, 355, 471, 474, 476 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền là 875.327.604đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 725.000.000đồng (bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng); Nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 19-3-2019 là 150.327.604đồng (một trăm năm mươi triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn số H.0008/116 ngày 21-12-2016.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số H.0184/BLTC ngày 21-12-2016 và bản cam kết ngày 21-12-2016 của ông Lê Việt Đ1 để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phải trả lại cho bên thế chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận việc nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tự nguyện chịu 2.000.000đồng (hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.000.000đồng (hai triệu đồng) và đã chi phí xong.

6. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải chịu 38.259.828đồng (ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi chín nghìn tám trăm hai mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.121.398đồng (mười chín triệu một trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm chín mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000081 ngày 12-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong